

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2018/HNGĐ -ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông J, sinh năm 1978

Địa chỉ: 307-4 S – C – G- Korea

Địa chỉ liên hệ: Nhà số T, Ngõ T, phố H, phường Ô, Quận Đ, Hà Nội

Người phiên dịch: bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Bà Vi Thị Minh P, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông J với bà V.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông J và bà Vi Thị Minh P thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 01 con chung là Jo Yeonu T, sinh ngày 09/4/2014. Ly hôn giao cháu Jo Yeonu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông J cấp dưỡng một lần số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) từ ngày 22/02/2019 cho đến khi cháu Jo Yeonu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông J được quyền đi lại thăm con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông J, bà Vi Thị Minh P được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Ông J và bà Vi Thị Minh P tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Ghi nhận thỏa thuận ông J tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ hòa giải thành và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cân trừ vào tiền Tạm ứng án phí, trả lại ông J số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005076 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự.
- UBND tỉnh Đồng Nai.
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quý